

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 1/9

3	DKC01/ND_V19.06	<p>Triển khai <b>sửa đổi</b> Bộ điều kiện chung Nội địa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa tên nhóm Phổ thông đặc biệt:             <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nhóm W-: Phổ thông đặc biệt linh hoạt</li> <li>✓ Nhóm Z-/U-: Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn</li> </ul> </li> <li>- Phụ lục 2: Hành khách Việt Nam 60 tuổi trở lên được giảm 15% giá vé từ hạng T ( cũ: Từ hạng Q)</li> </ul> <p><b>Hiệu lực</b> : Áp dụng cho vé xuất từ ngày <b>01/07/2019</b></p>
---	-----------------	---

ĐIỀU KIỆN	J-/C-	D-/I-	W-	Z-/U-	Y-/B-/M-/S-	K-/L-/Q-/ N-/R-	T-/E-	G-/A-/P-	
	Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm	
<b>Thay đổi</b>	Sửa tên nhóm phổ thông đặc biệt Sửa Phụ lục 2								
<b>00. Áp dụng</b>	<b>Mức giá</b>	Giá là giá một chiều. Giá khứ hồi bằng 2 lần giá một chiều.							
	<b>Hạng đặt chỗ</b>	Hạng đặt chỗ là ký tự đầu tiên của loại giá (Fare basis).							
<b>04. Giới hạn chuyển bay</b>	<b>Giá -VNT-/-VNA-/</b>	Các chuyến bay không áp dụng: Từ VN4000 đến VN4999					Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999, từ VN8000 đến VN8999.		
	<b>Giá -VNF-/-VNW-</b>	Các chuyến bay không áp dụng: Từ VN4000 đến VN4999			Giá S-/K-/L- : Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999. Giá Y-/M-/Q-/N-/R-/T-/E- : Áp dụng trên tất cả các chuyến bay VN			Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999, từ VN8000 đến VN8999.	
	<b>Giá -VN</b>	Các chuyến bay không áp dụng: Từ VN4000 đến VN4999							Không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999, từ VN8000 đến VN8999.
	<b>Giá -VN9</b>	Chỉ áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999							
<b>05. Đặt chỗ, xuất vé</b>	<b>Giá-VNF-/-VNA-/</b>	<b>Đặt chỗ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá JH-/WH-/MH-/SH-:</b> Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.</li> </ul>			Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.			

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND** **version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 2/9

ĐIỀU KIỆN	J-/C-	D-/I-	W-	Z-/U-	Y-/B-/M-/S-	K-/L-/Q-/ N-/R-	T-/E-	G-/A-/P-
	Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm
<p><b>-VNW/-VN/-VN9-:</b></p> <p><i>Lưu ý:</i> (a) -VNA/-VNW-: Thời hạn xuất vé tuân theo quy định của web (b) -VN: Chỉ áp dụng quy định về đặt chỗ, không áp dụng quy định về xuất vé</p>	Xuất vé					<p><b>Giá K-/L-/Q-:</b> Xuất vé trong vòng 24h sau khi đặt chỗ.</p> <p><b>Giá N-/R-:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Giá -PX:</b> Xuất vé trong vòng 12h sau khi đặt chỗ</li> <li><b>Giá -AP:</b> Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 24h sau khi đặt chỗ; (b) Tối thiểu 1 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Giá -PX:</b> Xuất vé trong vòng 06h sau khi đặt chỗ (đối với giá P-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá T-/E-/G-/A-)</li> <li><b>Giá -AP/1/2/4:</b> Xuất vé phải thực hiện vào thời hạn sớm hơn trong 2 thời hạn sau: (a) Trong vòng 06h sau khi đặt chỗ (đối với giá P-), trong vòng 12h sau khi đặt chỗ (đối với giá T-/E-/G-/A-) (b) Tối thiểu 1/3/14/28 ngày trước ngày khởi hành của từng chặng bay.</li> </ul>	
<b>Giá-VNT-</b>	Áp dụng theo quy định của khách đoàn về đặt chỗ xuất vé							
<b>06/07. Thời hạn dừng tối thiểu/tối đa</b>	NA/12 tháng							
<b>10. Xây dựng &amp; kết hợp giá</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kết hợp trên cơ sở 1/2 giá khứ hồi để tạo thành hành trình RT/CT.</li> <li>Kết hợp giá độc lập/hành trình phụ</li> </ul>	<b>Giá -VNF-</b>	Được phép với các giá -VNF-						
	<b>Giá -VNW/-VNA-</b>	Được phép giữa các giá Web của VN						
	<b>Giá-VNT-</b>	Chỉ được phép kết hợp với loại giá -VNT- trong cùng biểu giá						
	<b>Giá -VN-VN9</b>	Được phép kết hợp với mọi loại giá.						
<b>11. Thời gian không áp dụng</b>	<b>Phụ lục 1</b>							
<b>15. Hạn chế bán</b>	<b>Giá -VNF/-VNT-</b>	Áp dụng bán tại Việt Nam. Mã vé 738. Loại tiền VND						

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 3/9

ĐIỀU KIỆN		J-/C-	D-/I-	W-	Z-/U-	Y-/B-/M-/S-	K-/L-/Q-/ N-/R-	T-/E-	G-/A-/P-	
		Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm	
<b>Giá -VNW-</b>		Áp dụng bán trên websites của VN. Mã vé 738. Loại tiền VND								
<b>Giá -VNA-</b>		Áp dụng bán tại đại lý web của VN. Mã vé 738. Loại tiền VND								
<b>Giá -VN-VN9</b>		Áp dụng bán toàn thế giới ngoại trừ Việt Nam. Loại tiền USD						Giá T-: Áp dụng bán toàn thế giới ngoại trừ Việt Nam. Loại tiền USD Giá khác: Chỉ được phép bán tại CA/US/AE/IL/IN/PH; EU (ngoại trừ FR/DE/GB/RU). Loại tiền USD		
		Mã vé: Không hạn chế					Mã vé 738			
16. Phạt/thay đổi	Giá -VNE-/ -VNT-/ -VNW-/ -VNA-/ -VN*-/BL	Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé	Được phép, phí 300.000 VND		Được phép, phí 300.000 VNĐ		Được phép, phí 300.000 VND	Được phép, phí 300.000VND	Không được phép	
		Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé Ngoại lệ: Chỉ được phép thực hiện sau 72h so với giờ bay ghi trên vé đối với chặng bay trên VN*/BL	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá JH-:</b> Được phép phí 600.000VND</li> <li>• <b>Giá khác:</b> Được phép phí 300.000VND</li> </ul>	Được phép, phí 300.000 VND	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá WH-:</b> Được phép phí 600.000VND</li> <li>• <b>Giá khác:</b> Được phép phí 300.000VND</li> </ul>	Được phép, phí 300.000 VND	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá MH-/SH-:</b> Được phép, phí 600.000 VND</li> <li>• <b>Giá khác:</b> Được phép, phí 300.000 VND</li> </ul>	Được phép, phí 600.000VND		
	Thay đổi	Trước ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé					<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá MH-/SH-/MGVNT/SGVNT:</b> Được phép, phí 300.000 VND</li> <li>• <b>Giá khác:</b> Miễn phí</li> </ul>	Được phép, phí 300.000VND	Được phép, phí 600.000VND	
		Vào/sau ngày khởi hành chặng bay ghi trên vé Ngoại lệ: Chỉ được phép thực	Miễn phí	Được phép, phí 300.000 VND	Miễn phí	Được phép, phí 300.000 VND	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Giá MH-/SH-:</b> Được phép, phí 600.000 VND</li> <li>• <b>Giá MGVNT/SGVNT:</b> Được phép, phí 300.000 VND</li> <li>• <b>Giá khác:</b> Miễn phí</li> </ul>	Được phép, phí 600.000VND	Không được phép	



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 5/9

ĐIỀU KIỆN	J-/C-	D-/I-	W-	Z-/U-	Y-/B-/M-/S-	K-/L-/Q-/ N-/R-	T-/E-	G-/A-/P-
	Thương gia Linh hoạt	Thương gia tiêu chuẩn	Phổ thông đặc biệt linh hoạt	Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn	Phổ thông linh hoạt	Phổ thông tiêu chuẩn	Phổ thông tiết kiệm	Phổ thông siêu tiết kiệm
<p><b>Giá VNF-/-VNT-/-VNW-/-VNA-:</b></p> <p>(a) Đổi vé sang chặng bay VN*/BL: phải xuất lại vé</p> <p>(b) Nâng hạng dịch vụ: Đối với khách tour/ đoàn, khi nâng hạng dịch vụ không cần đảm bảo số lượng khách tối thiểu. Áp dụng giá FIT hạng thương gia cho khách nâng hạng dịch vụ</p> <p>(c) Hoàn vé của khách đoàn: Khi hoàn vé, phải đảm bảo số khách tối thiểu của đoàn theo quy định của điều kiện giá.</p>								
18. Ghi vé <i>VN đảm bảo chấp nhận các vé xuất tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống tại thời điểm xuất vé.</i>	<b>Giá –VNF-/-VNT-/-VNW-/-VNA-</b>	"MOI THAY DOI LIEN HE HKVN TRUOC NGAY KHOI HANH"						
	<b>Giá -VN/-VN9</b>	"NON-END.RESTRICTION MAY APPLY"						
19. Giảm giá cho trẻ em/ trẻ nhỏ	Trẻ em từ 2- <12 tuổi đi cùng người lớn	Tính bằng 90% giá áp dụng cho người lớn						
	Trẻ nhỏ <2 tuổi không sử dụng chỗ đi cùng người lớn	Tính bằng 10% giá áp dụng cho người lớn						
22. Giảm giá khác: Chỉ áp dụng với giá -VNF tại các phòng vé của VNA <i>- Các mức phí hoàn/đổi không được giảm theo tỷ lệ tương ứng</i>		<b>Phụ lục 2</b>						
23. Quy định khác	<b>Thuế/Phí/Lệ phí (TFC)</b>	Giá chưa bao gồm các loại thuế/phí/lệ phí (TFC). Nơi xuất vé có trách nhiệm thu tất cả các loại thuế/phí/ lệ phí (TFC) tương ứng với giá và nộp về cho VN						
	<b>Hành lý miễn cước</b>	Áp dụng mức hành lý tính được tự động trên hệ thống.						
26. Điều kiện áp dụng cho khách đoàn (giá-VNT-)	<b>Số lượng khách tối thiểu của mỗi đoàn</b>	10 người. Trẻ nhỏ không được tính là số lượng khách tối thiểu của đoàn.						
	<b>Điều kiện bắt buộc đi cùng nhau</b>	Hành khách của đoàn phải đi cùng nhau trên cả hành trình						

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

**PHỤ LỤC 1: THỜI GIAN KHÔNG ÁP DỤNG**

- Giá K-/L-/Q-/N-/R-/T-/A-: Không áp dụng,
- Các loại giá khác:

LOẠI GIÁ	J-	C-	D-	W-	Z-/U-	Y-/M-/S-	G-/E-/P-
Giá : -VNF-/ -VNW-/ -VNA-/ -VNT-	<b>Chặng bay và giai đoạn KHÔNG áp dụng (theo đúng chiều ngoại trừ JH-/WH-/MH-/SH-)</b>						
	SGN/VCA-HAN					17/01/2020-23/01/2020	
	SGN – HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL; HAN-VII; PXU-HAN					17/01/2020-26/01/2020	
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL - SGN; NHA/DAD/VII-HAN; HAN-PXU/VCA PQC-HAN/SGN					<b>28/01/2020-02/02/2020</b>	
	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN-PQC					26/01/2020-29/01/2020	
	<b>Chặng bay và giai đoạn ÁP DỤNG đối với giá JH-/WH-/MH-/SH- (áp dụng theo đúng chiều)</b>						
	SGN/VCA-HAN					17/01/2020-23/01/2020	
	SGN – HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL; HAN-VII; PXU-HAN					17/01/2020-26/01/2020	
	HAN/HPH/VII/BMV/PXU/VDH/UIH/THD/DLI/NHA/DAD/HUI/VDO/VCL - SGN; NHA/DAD/VII-HAN; HAN-PXU/VCA PQC-HAN/SGN					<b>28/01/2020-02/02/2020</b>	
	HAN-NHA/DAD; HAN/SGN-PQC					26/01/2020-29/01/2020	

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 7/9

**PHỤ LỤC 2: GIẢM GIÁ KHÁC**

Chỉ áp dụng với giá -VNF tại các phòng vé của VNA. Không áp dụng đồng thời 2 chương trình giảm giá cho cùng đối tượng, không áp dụng trên các chuyến bay từ VN4000 đến VN4999.

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis <i>Ghi &lt;loại giá&gt;/&lt;mã giảm giá&gt;&lt;% giảm giá&gt;</i>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh hiển thị giá/tính giá
Hành khách Việt Nam 60 tuổi trở lên		85% giá M-/S-/K-/L-/Q-/N-/R-/T-	-/SR15	Bản sao giấy tờ tùy thân	FQHANSNG-VN¥PSRC WPPSRC
Hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/đặc biệt nặng	Người lớn	85% giá M-/S-/K-/L-/Q-	-/DI15	Giấy xác nhận khuyết tật được chủ tịch UBND xã/phường/quận/ huyện/thành phố.. cấp theo quy định tại thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLDTBXH-BYT-BGĐT ngày 28/12/2012 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.	FQHANSNG-VN¥AC*DIS WPAC*DIS
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách Việt Nam là người khuyết tật nặng/đặc biệt nặng	-/DICH10		FQHANSNG-VN¥AC*DIS¥Q/DICH10 WPAC*DIS¥PCNN
	Trẻ nhỏ		-/DIIN90		FQHANSNG-VN¥AC*DIS¥Q/DIIN90 WPAC*DIS¥PINF
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Côn Đảo	Người lớn	<b>56% giá M-/S-/K-/Q- SGN-VCS v.v</b>	<b>-/AR44</b>	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQSGNVCS-VN¥AC*VCS WPAC*VCS
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Côn Đảo	-/ARCH10		FQSGNVCS-VN¥AC*VCS¥Q/ARCH10 WPAC*VCS¥PCNN
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQSGNVCS-VN¥AC*VCS¥Q/ARIN90 WPAC*VCS¥PINF

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 8/9

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis <i>Ghi &lt;loại giá&gt;/&lt;mã giảm giá&gt;&lt;% giảm giá&gt;</i>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh hiển thị giá/tính giá
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Côn Đảo	Người lớn	56% giá M-/S-/K-/Q- SGN-VCS v.v	-/AR44	Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản. và bản sao chứng minh thư nhân dân	FQSGNVCS-VN <del>Y</del> AC*VCS WPAC*VCS
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Cà Mau	Người lớn	85% giá M-/S-/K-/Q-/R- SGN-CAH v.v	-/AR15	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQSGNCAH-VN <del>Y</del> AC*CAH WPAC*CAH
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Cà Mau	-/ARCH10		FQSGNCAH- VN <del>Y</del> AC*CAH <del>Y</del> Q/ARCH10 WPAC*CAH <del>Y</del> PCNN
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQSGNCAH- VN <del>Y</del> AC*CAH <del>Y</del> Q/ARIN90 WPAC*CAH <del>Y</del> PINF
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Cà Mau	Người lớn	85% giá M-/S-/K-/Q-/R- SGN-CAH v.v	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) bản sao chứng minh thư nhân dân	FQSGNCAH-VN <del>Y</del> AC*CAH WPAC*CAH
Hành khách có hộ khẩu thường trú tại Pleiku	Người lớn	85% giá M-/S-/K-/L-/Q-/N-/R- DAD-PXU v.v	-/AR15	Bản sao hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân	FQDADPXU-VN <del>Y</del> AC*PXU WPAC*PXU
	Trẻ em	Áp dụng theo tỷ lệ giảm quy định tại Cat 19 trên cơ sở giá người lớn là hành khách có hộ khẩu thường trú tại Pleiku	-/ARCH10		FQDADPXU-VN <del>Y</del> AC*PXU <del>Y</del> Q/ARCH10 WPAC*PXU <del>Y</del> PCNN
	Trẻ nhỏ		-/ARIN90		FQDADPXU- VN <del>Y</del> AC*PXU <del>Y</del> Q/ARIN90



**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**  
**ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019

Trang 9/9

Đối tượng áp dụng		Giá áp dụng	Fare basis <i>Ghi &lt;loại giá&gt;/&lt;mã giảm giá&gt;&lt;% giảm giá&gt;</i>	Giấy tờ kèm theo nộp cùng báo cáo bán	Câu lệnh hiển thị giá/tính giá
					WPAC*PXUYPINF
Quân nhân, Công chức, Viên chức nhà nước đang công tác tại Pleiku	Người lớn	85% giá M-/S-/K-/L-/Q-/N-/R- DAD-PXU v.v	-/AR15	(1) Bản sao quyết định cử công tác, điều động của cơ quan nhà nước chủ quản; và (2) Bản sao chứng minh thư nhân dân	FQDADPXU-VN <del>Y</del> AC*PXU WPAC*PXU

**BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG****ÁP DỤNG CHO GIÁ NỘI ĐỊA VIỆT NAM**

Số: **DKC01/ND version 19.06** Hiệu lực: Áp dụng đối với vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày 01/07/2019  
Trang 10/9

**PHÊ DUYỆT**

Nội dung:

Bộ điều kiện chung giá nội địa Việt Nam: Sửa tên nhóm phổ thông đặc biệt, Phụ lục 2

Ngày: \_\_\_\_\_

**THAY MẶT TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**NGUYỄN QUANG TRUNG**

**TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN**